

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2023/HS-ST

Ngày 29 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai, ông Phạm Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Kăn Niê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 241/2023/TLST-HS ngày 28/7/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2023/QĐXXST-HS ngày 11/8/2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Xuân H1**, sinh ngày 23/11/1977 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Số 52/3 đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân P, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1946; bị cáo có vợ là Bùi Thị Vi T, sinh năm 1982; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2022 cho đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: **Lê Xuân H2**, sinh ngày 05/10/1967 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 52/3 đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Số 211/3 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân P, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1946; bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Tuyết N, sinh năm 1976 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2022 cho đến nay (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH thương mại dịch vụ gỗ P
Người đại diện theo pháp luật: Lê Xuân H1.
Địa chỉ: Số 44/17/3 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
2. Anh Lê Hưng P (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 52/3 đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
3. Ông Phạm N (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 29 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
4. Anh Bùi Công Đ (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 29 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
5. Ông Nguyễn Trung T (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai.
6. Ông Văn Phú C (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 35 đường 9/5, tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
7. Ông Lê Xuân H3 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 52/3 Bùi Thị Xuân, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
8. Ông Y X Niê (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 53/2 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
9. Anh Lê Gia T (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 52/3 đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
10. Ông Y T Niê (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 41 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
11. Ông Y T1 Niê Kdăm (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 54/18 đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
12. Ông Nguyễn Văn Đ (vắng mặt).
Địa chỉ: Tô dân phố 2, phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ gỗ P (Công ty P) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 6001554xxx, đăng ký lần đầu ngày 14/11/2016, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 4/6/2020; người đại diện pháp luật gồm: Chủ tịch hội đồng thành viên là Lê Xuân H1, Giám đốc là ông Văn Phú C; thửa đất đặt trụ sở Công ty tại số 44/17/3 đường Đ, phường T, thành phố B, diện tích đất khoảng 800m², do H1 thuê của ông Y T Niê để dựng trại lợp tôn, đặt máy cưa CD xẻ gỗ.

Sau khi đăng ký doanh nghiệp, H1 là người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, còn ông Văn Phú C không tham gia góp vốn hay quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh. Hiệp thuê ông Y X Niê, ông Y T1 Niê Kdăm làm nhân công xẻ gỗ gia công cho khách và thuê cháu ruột là Lê Gia T đến trông coi,

bảo vệ Công ty vào các buổi tối. Từ tháng 3/2022 đến tháng 8/2022, H1 đã cho một số người quen gồm: Lê Xuân H2 (là anh ruột của H1), anh Lê Hưng P (là cháu ruột H1) và ông Phạm N gửi gỗ, củi chủng loại Cắm xe không có hồ sơ nguồn gốc lâm sản tại khuôn viên trụ sở Công ty P. Mặc dù Lê Xuân H1 nhận thức được số gỗ, củi được nhờ gửi không có hồ sơ nguồn gốc lâm sản, lóng gỗ không ghi số đầu lóng, không có bản kê lâm sản kèm theo, nhưng vẫn đồng ý cho những người trên gửi tại xưởng do H1 quản lý, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột kiểm tra, phát hiện, phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk xác định các vị trí, số lượng và tiến hành đánh dấu kí hiệu các lóng gỗ mà Lê Xuân H1 tàng trữ, cụ thể như sau:

Vị trí 1: Bên trong khu vực xưởng, hướng Tây Nam sát cổng chính có: 03 dãy gỗ tròn Cắm xe, cao 2,00m, dài 21m, có tổng cộng 1602 lóng gỗ. Trong đó: Dãy 1 có 745 lóng gỗ tròn, kí hiệu từ số 655/1 đến 1399/1; Dãy 2 có 305 lóng gỗ tròn, kí hiệu từ số 1400/1 đến 1704/1; Dãy 3 có 552 lóng gỗ tròn, kí hiệu từ số 1705/1 đến 1799/1 và từ 2000/1 đến 2456.

Vị trí 2: Cách vị trí số 1 khoảng 3,20m về hướng Tây Bắc là vị trí để gỗ số 2 có kích thước trong diện (6,00x1,2)m, cao 2,00m, có 200 lóng gỗ tròn, kí hiệu từ số 1800/2 đến 1999/2.

Vị trí 3: Từ vị trí đóng gỗ số 2 đến vị trí đóng gỗ số 3 khoảng 3,5m, ở hướng Bắc có kích thước trong diện (6,8x1,2)m, cao 1,8m, có 213 lóng gỗ tròn, kí hiệu từ số 442/3 đến 654/3.

Vị trí 4: Từ vị trí đóng gỗ số 3 về hướng Nam 02m là đóng gỗ số 4 có kích thước trong diện (3,8x1,6)m, cao 1,2m, có 58 lóng gỗ tròn, kí hiệu từ số 381/4 đến 438/4.

Vị trí 5: Từ vị trí đóng gỗ số 4 về hướng Đông Nam 1,5m là đóng gỗ số 5 có kích thước trong diện (2,4x0,8)m, cao 0,8m, có 03 lóng gỗ tròn, kí hiệu từ số 439/5 đến 441/5 và 09 hộp gỗ xẻ, kí hiệu từ số 370/5 đến 378/5.

Vị trí 6: Từ vị trí đóng gỗ số 5 về hướng Đông 1,3m là đóng gỗ số 6, gỗ xẻ hộp bình quân (0,4x0,12x0,15)m cao 1,2m, có 369 hộp gỗ xẻ, kí hiệu từ số 1/6 đến 369/6.

Vị trí 7: Từ vị trí đóng gỗ số 6 về hướng Tây Nam 8,9m là đóng gỗ số 7 có kích thước trong diện (11x1,2)m, cao 1,4m, có 284 lóng gỗ tròn, kí hiệu từ số 01/7 đến 380/7. (BL: 85-120)

Quá trình điều tra xác định nguồn gốc số gỗ được đặt tại các vị trí trên cụ thể như sau:

1. Vào khoảng đầu năm 2022, Lê Xuân H2 đến Công ty P của Lê Xuân H1, thì thấy có nhiều người đến mua gỗ Cắm xe để làm nội thất bàn ghế, nên H2 nảy sinh ý định mua gỗ không có hồ sơ lâm sản hợp pháp để bán lại kiếm lời. Từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2022, H2 gặp và thỏa thuận mua gỗ chủng loại Cắm xe không có hồ sơ nguồn gốc lâm sản của nhiều đối tượng (đều chưa xác định được lai lịch). Khi mua, bán gỗ hai bên không đo khối lượng gỗ cụ thể mà mua bán khoán gỗ theo từng xe ô tô tải. Sau đó, những người bán gỗ sử dụng nhiều xe ô tô tải (chưa xác

định đặc điểm và biển số xe) nhiều lần chở gỗ đến xưởng của Công ty P để bán cho H2 theo như thỏa thuận, thì H2 gặp H1 nói về việc mua gỗ Cắm xe không có giấy tờ để bán lại kiếm lời và nhờ H1 cho cất giữ tại nhà xưởng của Công ty P để tiện bán lại cho khách, thì H1 đồng ý. Khi người bán giao gỗ, H2 thuê một số thanh niên (chưa xác định lai lịch) và hướng dẫn những người này bốc, xếp gỗ trong khuôn viên xưởng của Công ty tại các vị trí số 1, 2 và 7. Sau đó, H2 đã bán được khoảng 04 đến 05 lóng gỗ cho một người không rõ lai lịch, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện. Tạm giữ của Lê Xuân H2 tại vị trí số 01 gồm 1197 lóng gỗ Cắm xe, được ghi kí hiệu từ số 655 đến số 1799 và kí hiệu từ số 2000 đến số 2063; vị trí số 02 gồm 196 lóng gỗ Cắm xe, được ghi kí hiệu từ số 1800 đến số 1999; vị trí số 07 gồm 79 lóng gỗ Cắm xe, được ghi kí hiệu từ số 206 đến số 380.

Tại bản Kết luận giám định ngày 19/9/2022 và bảng kê lâm sản của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Vị trí số 01 gồm 1197 lóng gỗ Cắm xe, được ghi kí hiệu từ số 655 đến số 1799 và kí hiệu từ số 2000 đến số 2063; vị trí số 02 gồm 196 lóng gỗ Cắm xe, được ghi kí hiệu từ số 1800 đến số 1999; vị trí số 07 gồm 79 lóng gỗ Cắm xe, được ghi kí hiệu từ số 206 đến số 380. Tổng khối lượng 38.565 m³ gỗ tròn, chủng loại Cắm xe, Nhóm II; Củi: Khối lượng 0.382 Ster.

2. Vào đêm một ngày đầu tháng 3/2022 (chưa xác định ngày), ông Lê Xuân H3 (là em ruột của H2 và H1) đến Công ty P để gặp Lê Xuân H1. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, ông H3 ra về thì nhìn thấy có xe ô tô tải đậu ở bãi đất trống tại khu vực trước Công ty P, bên cạnh có khoảng 04 đến 05 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch). Thấy vậy, ông H3 đi đến hỏi thì được những người này cho biết xe ô tô tải (chưa xác định đặc điểm, biển số, thùng xe dài khoảng 10m) có chở gỗ tròn là Cắm xe, đường kính khoảng 25cm, dài khoảng 1,5m và bán cả xe với giá 48.000.000 đồng. Sau đó, ông H3 đi về nhà thì gặp anh Lê Hưng P (là cháu ruột ông H3), thì ông H3 nói anh P đi xem gỗ để mua rồi bán lại kiếm lời. Nghe vậy, anh P đi đến chỗ xe ô tô chở gỗ trên, thì thấy trên xe ô tô tải có gỗ tròn xếp đầy thùng và được những người bán gỗ cho biết là gỗ Cắm xe không có giấy tờ, bán toàn bộ số gỗ trên xe ô tô với số tiền 48.000.000 đồng, thì anh P đồng ý mua. Sau đó, P vào trong Công ty P gặp H1, nói cho H1 biết việc mua gỗ Cắm xe không có giấy tờ và nhờ H1 cho cất giữ gỗ tại xưởng của Công ty P để tiện bán lại cho khách, thì H1 đồng ý. Sau đó, P để số gỗ mua được tại các vị trí số 1, 3 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột kiểm tra phát hiện, tạm giữ của Lê Hưng P: Tại vị trí số 01 gồm 391 lóng gỗ tròn, chủng loại gỗ Cắm xe, được ghi kí hiệu từ số 2064/1 đến số 2456/1 và 01 đồng củi Cắm xe; tại vị trí số 03 gồm 213 lóng gỗ Cắm xe, được ghi kí hiệu từ số 442 đến số 654.

Tại bản Kết luận giám định ngày 19/9/2022 và bảng kê lâm sản của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Vị trí số 01 gồm 391 lóng gỗ tròn, chủng loại gỗ Cắm xe, được ghi kí hiệu từ số 2064 đến số 2456 và 01 đồng củi Cắm xe xếp thành 03 hàng; vị trí số 03 gồm 213 lóng gỗ Cắm xe, được ghi kí hiệu từ số 442 đến số 654. Tổng khối lượng 14,422m³ gỗ tròn, chủng loại Cắm xe, nhóm II; Củi: Khối lượng 12.02 Ster.

3. Ông Phạm N hành nghề thợ mộc đóng bàn ghế và đồ gia dụng, quá trình

hành nghề, ông N quen biết với H1 và thường qua xưởng của H1 tìm mua gỗ về đóng bàn ghế và gửi gỗ tại xưởng của H1 để xẻ gia công khi có nhu cầu. Ngày 23/10/2017, ông N và cháu ruột là ông Bùi Công Đ góp vốn mua chung 16,784m³ gỗ tròn, chủng loại Cẩm xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nguyễn T, địa chỉ tại thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Cùng ngày, Công ty Nguyễn T xuất hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu NT/17P, số 0000175, tổng giá trị thanh toán là 147.699.200 đồng, người mua hàng ghi tên ông Bùi Công Đ (kèm theo hồ sơ xác nhận bản kê lâm sản của Hạt kiểm lâm huyện C, tỉnh Gia Lai). Sau đó, ông Đ và ông N thuê xe vận chuyển về địa chỉ 29 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, của xe gỗ tròn ra gỗ quy cách để đóng bàn ghế gia dụng. Khoảng tháng 5/2022, ông Phạm N nhờ H1 cất giữ 3,538m³ gỗ xẻ, chủng loại Cẩm xe, nhóm II (là số gỗ còn lại của lô gỗ cùng ông Đ mua như trên), để tiện việc xẻ gỗ theo quy cách khi có nhu cầu, thì H1 đồng ý. Đến khoảng 19 giờ của một ngày trong tháng 7/2022 (không xác định ngày), khi ông N đến xưởng chế biến gỗ của H1 chơi, thì thấy 01 xe ô tô tải chở gỗ đang đậu tại khu vực bãi đất trống trước Công ty P, bên cạnh có 03 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch), thì ông N đi đến hỏi những người này để mua gỗ, thì được cho biết xe ô tô chở gỗ tròn Cẩm xe không có giấy tờ hợp pháp, có đường kính khoảng từ 20cm đến 25cm, cắt ngắn khoảng 1,5m, bán cả xe với giá 20.000.000 đồng, thì ông N đồng ý mua. Sau đó, ông N gặp và nói với H1 về việc mua gỗ tròn Cẩm xe, không có giấy tờ để đóng bàn ghế và nhờ H1 cất giữ giúp tại xưởng của Công ty P để sau này tiện xẻ gia công đóng đồ mộc, thì H1 đồng ý. Sau đó, N để số gỗ mua được tại các vị trí 4, 5, 7 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột kiểm tra phát hiện, tạm giữ của ông Phạm N: Tại vị trí số 04 gồm 58 lóng gỗ tròn, được ghi ký hiệu từ số 381/4 đến số 438/4; vị trí số 05 gồm 03 lóng gỗ tròn Cẩm xe, được ghi ký hiệu từ số 439/5 đến số 441/5 và 09 hộp gỗ Cẩm xe ký hiệu từ số 370/5 đến số 378/5; vị trí số 06 gồm 369 hộp gỗ Cẩm xe, được ghi ký hiệu từ số 01/6 đến số 369/6; vị trí số 07 gồm 203 lóng gỗ Cẩm xe, được ghi ký hiệu từ số 01 đến số 205.

Tại bản Kết luận giám định ngày 19/9/2022 và bảng kê lâm sản của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Vị trí số 04 gồm 58 lóng gỗ tròn, được ghi ký hiệu từ số 381 đến số 438; vị trí số 05 gồm 03 lóng gỗ tròn Cẩm xe, được ghi ký hiệu từ số 439 đến số 441; 09 hộp gỗ Cẩm xe ký hiệu từ số 370 đến số 378; vị trí số 06 gồm 369 hộp gỗ Cẩm xe, được ghi ký hiệu từ số 01 đến số 369; vị trí số 07 gồm 203 lóng gỗ Cẩm xe, được ghi ký hiệu từ số 01 đến số 203. Tổng khối lượng là 14,621m³ gỗ Cẩm xe. Trong đó, gỗ tròn 8.961m³, gỗ xẻ hộp quy tròn là 5,660m³; Củi: Khối lượng 0,027 Ster.

Như vậy, quá trình điều tra xác định tổng khối lượng gỗ không có hồ sơ nguồn gốc lâm sản mà Lê Xuân H1 đã tàng trữ trái phép tại Công ty P là 61,948m³ gỗ tròn, chủng loại gỗ Cẩm xe, thuộc nhóm II (có đặc điểm như bảng kê lâm sản của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk) và 12,429 Ster củi không có hồ sơ lâm sản hợp pháp; Lê Xuân H2 mua bán trái phép gỗ không có hồ sơ nguồn gốc lâm sản là 38.565m³ gỗ tròn, chủng loại Cẩm xe, Nhóm II; Củi: Khối lượng 0.382 Ster; anh Lê Hưng P mua bán trái phép gỗ không có hồ sơ nguồn gốc lâm sản là 14,422m³ gỗ tròn, chủng loại Cẩm xe, nhóm II; Củi: 12.02 Ster và ông Phạm N mua bán trái phép gỗ không có hồ sơ nguồn gốc lâm sản là 8.961m³; Củi: 0,027 Ster.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐGTS ngày 14/4/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận:

- Khối lượng 8,961m³ gỗ tròn, chủng loại gỗ Cẩm xe, thuộc nhóm II, trị giá 34.069.350 đồng; Củi 0,027 Ster, giá 12.150 đồng (là trị giá số gỗ tròn và củi thu giữ của ông Phạm N).

- Khối lượng 14,422m³ gỗ tròn, chủng loại gỗ Cẩm xe, thuộc nhóm II, trị giá 54.803.600 đồng; Củi 12,02 Ster, giá 5.409.000 đồng (là trị giá số gỗ tròn và củi thu giữ của anh Lê Hưng P).

- Khối lượng củi 0,382 Ster, trị giá 171.900 đồng (là trị giá số củi thu giữ của Lê Xuân H2).

Tại bản Cáo trạng số 241/CT-VKSTPBMT ngày 28/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Lê Xuân H1 về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, theo điểm k khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Xuân H2 về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, theo điểm k khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và nội dung bản cáo trạng.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Xuân H1 và Lê Xuân H2 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”:

Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 232; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Lê Xuân H1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Lê Xuân H2 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 61,948m³ gỗ Cẩm xe thu giữ của Lê Xuân H2, anh Lê Hưng P và ông Phạm N (trong đó, Lê Xuân H2 38,565m³, anh Lê Hưng P 14,422m³, ông Phạm N 8,961m³); chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Phạm N 3,538m³ gỗ xẻ hộp, chủng loại Cẩm xe.

Các bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 3/2022 đến tháng 8/2022, tại trụ sở Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ gỗ P, số 44/17/3 đường Đ, phường T, thành phố B, Lê Xuân H1 thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 61,948m³ gỗ tròn, chủng loại Cẩm xe, thuộc Nhóm II, không có hồ sơ nguồn gốc lâm sản hợp pháp; Lê Xuân H2 có hành vi mua bán trái phép 38,565m³ gỗ tròn, chủng loại Cẩm xe, thuộc Nhóm II, không có hồ sơ nguồn gốc lâm sản hợp pháp.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Hội đồng xét xử xác định hành vi của bị cáo Lê Xuân H1 và Lê Xuân H2 đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, tội phạm và hình phạt đối với các bị cáo lần lượt quy định tại điểm k khoản 2 và điểm k khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Điều 232 Bộ Luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

k) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép từ 1,5 mét khối (m³) đến dưới 03 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, Nhóm IA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ loài thực vật rừng thông thường;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

k) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép từ 03 mét khối (m³) đến dưới 06 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA hoặc gỗ có nguồn gốc từ nước ngoài thuộc Phụ lục II Công ước về buôn bán quốc tế các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; từ 40 mét khối (m³) đến dưới 80 mét khối (m³) gỗ loài thực vật rừng thông thường”.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Xuân H1 có thành tích xuất sắc trong lao động, được Giám đốc Sở N, tỉnh Đắk Lắk tặng giấy khen vì hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2013 (bút lục 438); hỗ trợ Cơ quan Kiểm lâm phát hiện, xử lý vi phạm hành chính đối với 02 vụ tàng trữ, vận chuyển lâm sản trái phép (bút lục 437). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng.

Bị cáo Lê Xuân H2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, căn cứ vào tình tiết của vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Lê Xuân H1 và Lê Xuân H2 phạm tội lần đầu, trong quá trình giải quyết vụ án đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự, tạo điều kiện cho các bị cáo được lao động, cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Xét hoàn cảnh kinh tế, các bị cáo không có nguồn thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra xác định tổng số gỗ tròn có khối lượng là 61,948m³ (có đặc điểm như bảng kê lâm sản của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk), chủng loại gỗ Cẩm xe, thuộc nhóm II, tạm giữ của Lê Xuân H2, anh Lê Hưng P và ông Phạm N, là gỗ không có hồ sơ nguồn gốc lâm sản hợp pháp, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với tổng số gỗ xẻ hộp có khối lượng là 3,538m³, chủng loại Cẩm xe, thuộc nhóm II, quá trình điều tra xác định đây là gỗ có hồ sơ nguồn gốc lâm sản hợp pháp do ông Phạm N và ông Bùi Công Đ mua của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nguyễn T để đóng bàn ghế gia dụng, nên Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Phạm N quản lý, sử dụng là đúng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và không đề cập trong phần quyết định của bản án.

Đối với số củi có tổng khối lượng là 12,429 Ster, quá trình điều tra xác định số củi do Lê Xuân H2, anh Lê Hưng P và ông Phạm N mua được và nhờ gửi tại Công ty P, là củi không có hồ sơ, giấy tờ hợp pháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân

dân tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H2, H1, anh P, ông N và đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 12,429 Ster củi trên là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về hành vi và các đối tượng liên quan:

Trong vụ án này, đối với anh Lê Hưng P và ông Phạm N có hành vi mua bán trái phép gỗ tròn, chủng loại Cẩm xe, thuộc Nhóm II, không có hồ sơ nguồn gốc lâm sản hợp pháp, nhưng khối lượng gỗ mà anh P và ông N mua bán dưới 20m³ và anh P, ông N chưa bị kết án hoặc xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, nên hành vi trên của anh Lê Hưng P và ông Phạm N chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Công an thành phố Buôn Ma Thuột có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Lê Hưng P và ông Phạm N là phù hợp.

Đối với ông Văn Phú C, là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ gỗ P, sau khi thành lập doanh nghiệp, ông C không góp vốn, không tham gia điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc bị cáo Lê Xuân H1 tàng trữ gỗ trái phép ông C không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Văn Phú C là có căn cứ.

Đối với ông Lê Xuân H3 là người giới thiệu cho anh Lê Hưng P mua khối lượng 14,422m³ gỗ tròn, chủng loại Cẩm xe, thuộc nhóm II và 12,02 Ster củi, nhưng ông H3 không trực tiếp mua, bán khối lượng gỗ Cẩm xe trên và không biết số gỗ anh P mua không có giấy tờ nguồn gốc lâm sản, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông H3 là phù hợp.

Đối với anh Lê Gia T, các ông Y T1 Niê Kdăm và Y X Niê được Lê Xuân H1 thuê làm bảo vệ và nhân công cưa xẻ gỗ, ông Y T Niê là người cho H1 thuê đất để đặt trụ sở kinh doanh tại địa chỉ 44/17/3 đường Đ, phường T, thành phố B, việc Lê Xuân H1 tàng trữ trái phép lâm sản anh T và ông Y T, Y X, Y T không biết, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với các đối tượng bán gỗ trái phép cho Lê Xuân H2, anh Lê Hưng P, ông Phạm N, các xe ô tô vận chuyển gỗ, những người bốc gỗ xuống xếp tại Công ty P và người mua khoảng 04 - 05 lóng gỗ của H2, hiện Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của những người này và chưa xác định được đặc điểm, biển số xe ô tô, nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau là có căn cứ.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Xuân H1 và Lê Xuân H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Lê Xuân H1 và Lê Xuân H2 phạm tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

- Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 232; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Xuân H1**: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/8/2023).

- Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Xuân H2**: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/8/2023).

Giao bị cáo Lê Xuân H1 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và giao bị cáo Lê Xuân H2 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lê Xuân H1 và Lê Xuân H2, lần lượt theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 255/LCCT-TA ngày 31/7/2023 và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 260/LCCT-TA ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với: 2.340 lóng gỗ tròn, chủng loại gỗ Cẩm xe, thuộc nhóm II, tổng khối lượng 61,948m³ thu giữ của Lê Xuân H2, anh Lê Hưng P và ông Phạm N, trong đó:

- Số gỗ thu giữ của bị cáo Lê Xuân H2: 38,565m³ (1197 lóng, ghi ký hiệu từ số 655 đến số 1799 và ký hiệu từ số 2000 đến số 2063; 196 lóng, ghi ký hiệu từ số 1800 đến số 1998; 79 lóng, ghi ký hiệu từ số 206 đến số 380, theo Bảng kê lâm sản của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk).

- Số gỗ thu giữ của anh Lê Hưng P: 14,422m³ (391 lóng, ghi ký hiệu từ số 2064 đến số 2456; 213 lóng, ký hiệu từ số 442 đến số 654, theo Bảng kê lâm sản của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk).

- Số gỗ thu giữ của ông Phạm N: 8,961m³ (58 lóng, ghi ký hiệu từ số 381 đến số 438; 03 lóng, ghi ký hiệu từ số 439 đến số 441; 203 lóng, ghi ký hiệu từ số 01 đến số 205, theo Bảng kê lâm sản của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk).

(Vật chứng có đặc điểm cụ thể theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài

sản ngày 18/8/2023 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)

[3] Về án phí:

Bị cáo Lê Xuân H1 và Lê Xuân H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Công an Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND phường T, Tp BMT;
- UBND phường T, Tp BMT;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng